

KT3-02689BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025
Trang/ Page 01 / 05

- Tên mẫu : NƯỚC UỐNG TÍNH KHIẾT JINSEI
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Description
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 24 x 350 mL;
Unit/sample: 24 x 350 mL;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 19/05/2025
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 19/05/2025 – 28/05/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HAWAI
Customer
Số 18, Đường Hồ Văn Mên, Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
Testing results

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung



KT3-02689BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025
Trang/ Page 02 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét (4)
7.1	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	3	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	50	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Hàm lượng tổng clo (Cl ₂) Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	5	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.4	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Hàm lượng bo (B) Boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,5	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02689BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025

Trang/ Page 03 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06-1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét (4)
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Hàm lượng niken (Ni) Nikel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng molybden (Mo) Molybdenum content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02689BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025

Trang/ Page 04 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét (4)
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,006	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt) Pass
7.18	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,01	KPH	0,004	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng clorate (ClO ₃ ⁻) Clorate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻) Clorite content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,5	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass

Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 06-1:2010/BYT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02689BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025

Trang/ Page 05 / 05

đóng chai/ National technical regulation for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

❖ **Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 23 chỉ tiêu trên tổng số 28 chỉ tiêu (gồm 21 chỉ tiêu hoá học loại A, 02 chỉ tiêu hoá học loại B và 05 chỉ tiêu vi sinh vật loại A) được quy định trong QCVN 06-1:2010/BYT (phụ lục II và III) - quy định các chỉ tiêu hóa học và vi sinh vật của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm. Mẫu nước có kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu nêu tại mục 7. của phiếu kết quả thử nghiệm này phù hợp với mức qui định tương ứng với các chỉ tiêu trong QCVN 06-1:2010/BYT (phụ lục II chỉ tiêu hóa học loại A và B)./ This testing reports recorded testing results of 23 per 28 test items (21 test items physicochemical group A, 02 test items physicochemical group B, 05 test items microbiological group A) as regulated in National technical regulation for bottled/package natural mineral waters and drinking waters in QCVN 06-1:2010/BYT (Addendum II and III). Test results of Sample water indicated on section No.7. shows that all the testing results are conformed to limits specified in QCVN 06-1:2010/BYT (Addendum II test items physicochemical group A and B).



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02689BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu : NƯỚC UỐNG TÍNH KHIẾT JINSEI
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Description
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 24 x 350 mL;
Unit/sample: 24 x 350 mL;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 19/05/2025
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 19/05/2025 – 28/05/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HAWAI
Customer
Số 18, Đường Hồ Văn Mên, Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
Testing results

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung



KT3-02689BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025

Trang/ Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06-1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Nhận xét (4)
7.1	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	(A)	< 1(***)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	(B)	< 1(***)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Enterococci Streptococci faecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	(A)	< 1(***)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	(A)	< 1(***)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	ISO 16266:2006	(A)	< 1(***)	Phù hợp (Đạt) Pass

Ghi chú/ Notice:

(***) : Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result “<1 CFU” is considered “ target organism not-detectable” in the volume of sample analysed

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ (A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.

QCVN 06-1:2010/BYT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai/ National technical regulation for bottled/packaged natural mineral waters and drinking waters

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02689BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025
Trang/ Page 03 / 03

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

❖ Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 05 chỉ tiêu trên tổng số 28 chỉ tiêu (gồm 21 chỉ tiêu hoá học loại A, 02 chỉ tiêu hoá học loại B và 05 chỉ tiêu vi sinh vật loại A) được quy định trong QCVN 06-1:2010/BYT (phụ lục II và III) - quy định các chỉ tiêu hóa học và vi sinh vật của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm. Mẫu nước có kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu nêu tại mục 7. của phiếu kết quả thử nghiệm này phù hợp với mức qui định tương ứng với các chỉ tiêu trong QCVN 06-1:2010/BYT (phụ lục III chỉ tiêu vi sinh vật loại A). / This testing reports recorded testing results of 05 per 28 test items (21 test items physicochemical group A, 02 test items physicochemical group B, 05 test items microbiological group A) as regulated in National technical regulation for bottled/packaged natural mineral waters and drinking waters in QCVN 06-1:2010/BYT (Addendum II and III). Test results of Sample water indicated on section No.7. shows that all the testing results are conformed to limits specified in QCVN 06-1:2010/BYT (Addendum III test items microbiological group A).



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) không được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

